

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001039

Trang : 1/2

Môn học: Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 01

Đợt thi: HK1, ĐỢT 1

Tổ: 001

Ngày thi: 31/10/2022

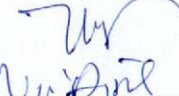
Giờ: 12:30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Xuân Đức	Cán bộ coi thi 2  Hằng Thiên	G.Viên chấm thi 1  Vũ Đình Nhưỡng	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Nhân
--	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180006	CAO NGỌC CƯỜNG	21/04/2003	CCQ2218A		1		7,7	1	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180027	NGUYỄN NGỌC ĐẠI	02/07/2004	CCQ2218A		1		7,7	2	4,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180021	LÊ HOÀNG PHÚC	19/03/2004	CCQ2218A		1		6,7	2,5	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122180008	NGUYỄN XUÂN HIỆP	09/07/2004	CCQ2218A		1		6,7	2	3,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180020	NGUYỄN HUỲNH	10/05/2004	CCQ2218A		1		7,0	2	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180016	HUỲNH BẢO HƯNG	17/09/2004	CCQ2218A		1		7,7	5,5	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180034	NGUYỄN THÁI KHẾNH	29/08/2003	CCQ2218A		1		8,3	4,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180012	PHẠM MINH KIẾT	01/06/2004	CCQ2218A		1		6,0	2,0	3,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122180004	NGUYỄN KHÁNH LINH	03/07/2004	CCQ2218A		1		7,3	2	4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180007	ĐÌNH NGUYỄN THÀNH LONG	10/11/2004	CCQ2218A		1		6,7	4	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180026	LÝ ANH MINH	09/08/2004	CCQ2218A		1		8,3	4,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122180024	NGÔ HOÀI NAM	23/06/2004	CCQ2218A		1		5,7	0,0	2,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122180002	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	18/06/2003	CCQ2218A		1		8,2	5,5	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180013	NGUYỄN VĂN NGHĨA	27/05/2004	CCQ2218A		1		8,0	2,5	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122180025	NGUYỄN TRUNG NHUẬN	08/12/2004	CCQ2218A		1		8,3	5	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180003	NGUYỄN MINH NHỰT	28/10/2004	CCQ2218A		1		8,3	4,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122180028	NGUYỄN DƯƠNG TẤN PHÁT	05/02/2004	CCQ2218A		1		7,7	4,5	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122180032	THÁI ĐỨC PHONG	09/04/2004	CCQ2218A		1		7,7	3	4,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122180014	TRẦN THANH PHONG	17/03/2004	CCQ2218A		1		7,7	6	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180029	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	04/08/2004	CCQ2218A		1		8,3	6	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **31/10/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A502**

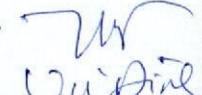
Mã nhận dạng: 001039

Trang : 2/2

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Xuân Sơn	 Hoàng Thiên	 Vũ Đình	 Nguyễn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180009	PHẠM TẤN SINH	15/07/2004	CCQ2218A		1	Sinh	6,7	4,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180001	PHẠM HUỲNH NHẬT TÂN	15/10/2000	CCQ2218A		1	Tân	7,3	3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180019	VÕ QUANG THẮNG	10/04/2004	CCQ2218A		1	Thắng	7,3	2	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180031	LÊ THANH THẾ	22/02/2004	CCQ2218A		1	Thế	6,7	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180030	HUỲNH MINH TOÀN	20/10/2004	CCQ2218A		1	Toàn	7,0	4,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180015	CHÂU MINH TRÍ	25/08/2004	CCQ2218A		1	Trí	7,7	2,5	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122180010	HÀ HỮU TRUYỀN	13/05/2002	CCQ2218A		1	Truyền	7,3	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122180023	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	21/01/2004	CCQ2218A		1	Trường	5,3	0,0	2,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122180022	NGUYỄN HOÀNG TÚ	26/02/2004	CCQ2218A		1	Tú	7,7	5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122180017	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	11/09/2004	CCQ2218A		1	Tường	7,3	2	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122180033	NGUYỄN THÀNH VẠN	19/02/2004	CCQ2218A		1	Vạn	8,3	4	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122180018	NGUYỄN NGHI VẤN	06/04/2004	CCQ2218A		1	Vấn	8,3	2,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001040

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **31/10/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A503**

Số SV có mặt: **31**.....

Số bài thi: **31**.....

Số tờ giấy thi: **31**.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Trần Thuê</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Châu TT Ngan</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Đình Nhường</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Đình Nhường</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180068	NGUYỄN THÁI BẢO	26/02/2004	CCQ2218B		1	<i>Bảo</i>	7,8	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180051	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/11/2004	CCQ2218B		1	<i>Dương</i>	6,0	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180057	VÕ TRƯƠNG ĐÔNG	01/01/2004	CCQ2218B		1	<i>Đông</i>	7,0	4,8	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122180047	PHAN PHÚ GIA	26/12/2002	CCQ2218B		1	<i>Gia</i>	8,3	6	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122180052	TRẦN VĂN GIANG	08/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Giang</i>	7,3	5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122180061	LÊ DUY HÒA	04/02/2004	CCQ2218B		1	<i>Hòa</i>	3,7	2	2,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180065	NGUYỄN NHẤT HUY	26/11/2003	CCQ2218B		1	<i>Huy</i>	7,0	1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180040	PHẠM ĐĂNG KHOA	23/06/2004	CCQ2218B		1	<i>Khoa</i>	6,0	1	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180041	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	08/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Khôi</i>	8,7	6	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180062	NGUYỄN HỮU KIÊN	09/11/2003	CCQ2218B		1	<i>Kiên</i>	7,7	6	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180042	NGUYỄN HUỲNH TUẤN KIẾT	23/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Kiệt</i>	6,7	5,5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180060	TRẦN QUỐC KIẾT	07/12/2004	CCQ2218B		1	<i>Kiệt</i>	6,3	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180067	VÕ THÀNH LUÂN	29/03/2004	CCQ2218B		1	<i>Luân</i>	6,3	2	3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122180054	TRẦN VĂN NAM	03/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Nam</i>	8,0	2	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180053	NGUYỄN TẤN NGHĨA	18/12/2003	CCQ2218B		1	<i>Nghĩa</i>	8,0	1	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180043	VĂN THANH NHẬT	24/01/2004	CCQ2218B		1	<i>Nhật</i>	7,0	1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180037	PHẠM VĂN NHƠN	05/11/2004	CCQ2218B		1	<i>Nhơn</i>	8,0	3,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180044	HUỲNH NHẬT QUANG	10/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Quang</i>	6,7	5,5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180066	TRƯƠNG VĂN THẾ	27/01/2004	CCQ2218B		1	<i>Thế</i>	7,7	5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180048	VÕ VĂN THIÊN	12/08/2004	CCQ2218B		1	<i>Thiên</i>	7,0	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001040

Trang : 2/2

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **31/10/2022**

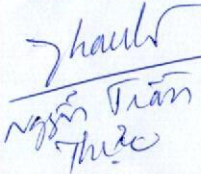
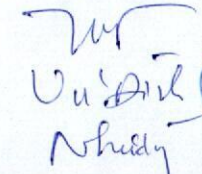
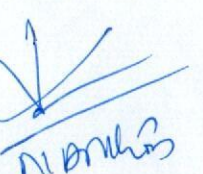
Giờ: **12:30**

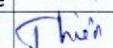
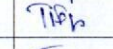
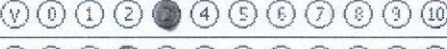
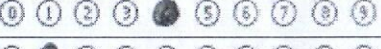
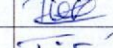
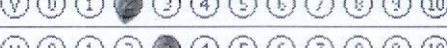
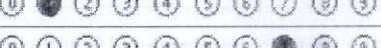
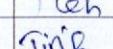
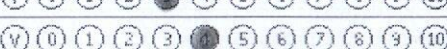
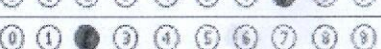
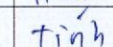
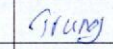
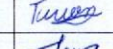
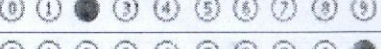
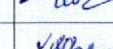
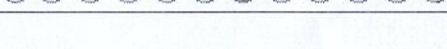
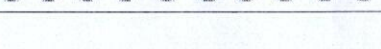
Phòng thi: **A503**

Số SV có mặt: 31.....

Số bài thi:31.....

Số tờ giấy thi: 31.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Nguyễn Trần Thức	Châu TT Ngân	Nguyễn Thị Nhung	Nguyễn Thị Nhung

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180064	BÙI NGỌC THIÊN	04/10/2004	CCQ2218B		1		6,7	4,5	5,4		
22	2122180046	NGUYỄN VĂN THIẾT	13/11/2004	CCQ2218B		1		7,8	2	4,3		
23	2122180056	NGUYỄN VĂN TIẾN	06/09/2003	CCQ2218B		1		7,0	1	3,4		
24	2122180035	PHẠM ĐÌNH TIẾN	30/03/2004	CCQ2218B		1		3,7	1	2,1		
25	2122180039	TRẦN VĂN TIẾN	05/11/2004	CCQ2218B		1		6,3	2	3,7		
26	2122180049	LÊ VĂN TÍNH	29/12/2004	CCQ2218B		1		6,8	2,5	4,2		
27	2122180063	TRẦN QUỐC TÍNH	17/08/2004	CCQ2218B		1		7,0	3,5	4,9		
28	2122180055	NGUYỄN TẤN TRUNG	16/07/2004	CCQ2218B		1		7,0	4,5	5,5		
29	2122180038	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	01/10/2004	CCQ2218B		1		6,3	4,5	5,2		
30	2122180059	BÁO VĂN ANH TUẤN	22/06/2004	CCQ2218B		1		8,0	4,5	5,9		
31	2122180058	LÊ HÙNG VƯƠNG	12/08/2004	CCQ2218B		1		7,0	4,5	5,5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001041

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **31/10/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A501**

Số SV có mặt: 25...

Số bài thi: 25...

Số tờ giấy thi: 25...

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Đạt</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Đào</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Đạt</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Đào</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180072	NGUYỄN QUỐC ANH	29/11/2003	CCQ2218C		1	<i>anh</i>	7,8	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180093	DƯƠNG THẾ BẢO	30/10/2004	CCQ2218C		1	<i>Bao</i>	7,7	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180080	NGUYỄN CÔNG HIỀN	09/04/2003	CCQ2218C		1	<i>hiền</i>	5,3	0,0	2,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170364	BÙI ĐỨC HUY	01/02/2004	CCQ2218D				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122060037	NGUYỄN VĂN KHÁNH	29/06/2004	CCQ2218C		1	<i>Khánh</i>	4,2	0,0	1,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122180069	VÕ ĐĂNG KHOA	17/04/2004	CCQ2218C		1	<i>Khoa</i>	6,5	1	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180078	LÊ TRUNG KIÊN	28/12/2004	CCQ2218C		1	<i>Kiên</i>	7,2	3,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180082	VĂN THÀNH LONG	10/12/2004	CCQ2218C		1	<i>Long</i>	4,3	2,8	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180086	TRƯƠNG BÁ LUẬN	15/02/2004	CCQ2218C		1	<i>Luân</i>	7,3	3,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180085	LÊ XUÂN LỰC	04/07/2004	CCQ2218C		1	<i>Lực</i>	7,5	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180083	NGUYỄN VĂN MINH	21/05/2004	CCQ2218C		1	<i>Minh</i>	7,0	0,5	3,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180081	HỒ ĐỖ TRUNG NGUYỄN	05/07/2004	CCQ2218C		1	<i>Nguyễn</i>	7,0	0,5	3,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180084	NGUYỄN NGỌC PHÁT	11/10/2004	CCQ2218C		1	<i>Phát</i>	7,0	1,5	3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122110378	TRƯƠNG THANH PHONG	25/06/2004	CCQ2218C		1	<i>Phong</i>	6,7	2	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180071	ĐOÀN ANH QUÂN	08/10/2004	CCQ2218C		1	<i>Quân</i>	7,3	6,3	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180076	PHẠM MINH QUÂN	19/11/2004	CCQ2218C		1	<i>Quân</i>	7,0	1,5	3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180079	ĐÀNG LƯU SỬA	22/02/2001	CCQ2218C		1	<i>Sửa</i>	7,5	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180075	TRẦN VĂN TÂM	30/05/2004	CCQ2218C		1	<i>Tâm</i>	7,7	2	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180089	NGUYỄN VĂN THỊNH	26/05/2004	CCQ2218C		1	<i>Thịnh</i>	8,2	1	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180090	LÊ MINH THUẬN	11/07/2004	CCQ2218C		1	<i>Thuận</i>	8,0	1	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **31/10/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A501**

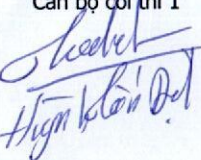
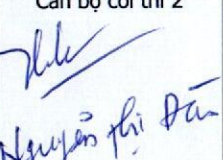
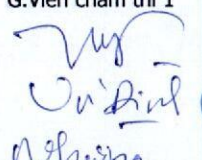
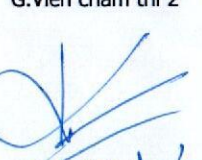
Mã nhận dạng: **001041**

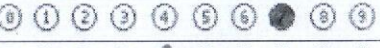
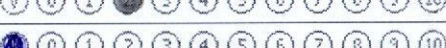
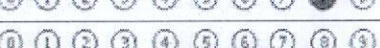
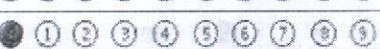
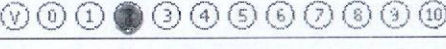
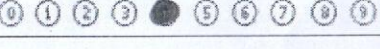
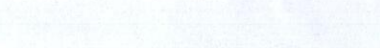
Trang : 2/2

Số SV có mặt: **25**

Số bài thi: **25**

Số tờ giấy thi: **25**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180088	LƯU VĂN THƯ	07/11/2004	CCQ2218C		1		70	1,5	3,7		
22	2122180070	ỨC CHIẾN	15/10/2003	CCQ2218C		1		80	2	4,4		
23	2122180091	TRƯƠNG QUỐC TIẾNG	08/10/2004	CCQ2218C		1		70	0	2,8		
24	2122170471	NGUYỄN TRIỀU	29/07/2004	CCQ2218D				0,0				
25	2122180092	PHAN THÁI TÚ	20/06/2004	CCQ2218C		1		77	1,5	4,0		
26	2122180074	VÕ HỒNG VÀNG	27/08/2004	CCQ2218C		1		4,7	0	1,9		
27	2122180077	THẬP VĂN ANH	02/04/2004	CCQ2218C		1		6,0	0	2,4		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001042

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **31/10/2022**

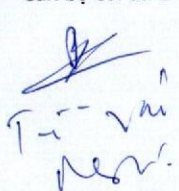
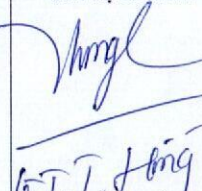
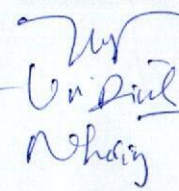
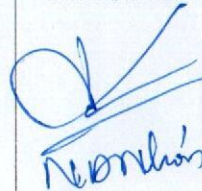
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **B103**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **23**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180128	LÊ NGUYỄN QUỐC BẢO	05/07/2004	CCQ2218D		1		7,5	3,0	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180122	BÙI HỮU BÌNH	29/04/2000	CCQ2218C		1		8,3	5,3	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180096	TRẦN QUỐC CƯỜNG	23/05/2004	CCQ2218C		1		8,7	6,0	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122180116	TRẦN ĐỨC DŨNG	09/09/2003	CCQ2218D		1		4,2	4,5	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180100	LÊ TRUNG ĐỨC	25/07/2004	CCQ2218C		1		4,5	5,0	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180126	TRẦN TRUNG HẢI	11/04/2004	CCQ2218D		1		7,0	4,5	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180115	NGÔ QUỐC HIỆP	26/01/2004	CCQ2218D				2,2			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180119	TRƯƠNG MINH HÒA	23/11/2004	CCQ2218D		1		10,0	6,8	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122180103	HUỲNH HỮU HỮU	09/01/2004	CCQ2218D		2		5,8	4	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180094	PHAN TƯ KHOA	05/06/2004	CCQ2218C		1		8,8	6,3	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180130	NGUYỄN VĂN LONG	25/07/2003	CCQ2218C		1		7,3	5,3	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122180123	HUỲNH MINH PHÁT	06/05/2004	CCQ2218D		1		6,3	2	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122180127	LÊ QUỐC PHƯỚC	09/08/2004	CCQ2218D		1		8,3	5	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180102	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	15/02/2004	CCQ2218D		1		8,3	7	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122180129	NGUYỄN HỮU TÀI	29/01/2002	CCQ2218D				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180131	BÙI LÊ HƯỚNG THIÊN	31/01/2004	CCQ2218D		1		7,8	0,5	3,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122180098	BÙI NGUYỄN ĐÌNH THỐNG	22/10/2004	CCQ2218C		1		7,3	4,3	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122180124	NGUYỄN THÁI TOÀN	09/02/2004	CCQ2218D		1		7,3	2,8	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122180114	LÊ MINH TRÍ	19/08/2004	CCQ2218D		1		7,2	3,0	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180099	VÕ THANH TRỌNG	19/02/2004	CCQ2218C		1		3,5	5,0	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001042

Trang : 2/2

Môn học: **Truyền nhiệt (228076) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **31/10/2022**

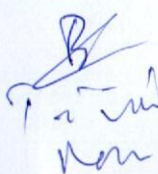
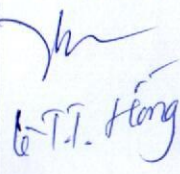
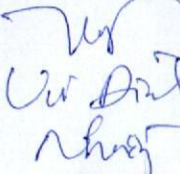
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **B103**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180125	PHẠM MINH TRƯỜNG	23/11/2000	CCQ2218D		1		6,8	5,0	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122180113	TẶNG VĂN TRƯỜNG	29/10/2004	CCQ2218D		1		8,8	4,5	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122180101	LÊ HOÀNG TUẤN	20/09/2004	CCQ2218D		1		6,3	1	3,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122180095	NGUYỄN ANH TUẤN	25/07/2004	CCQ2218C		1		7,5	3,8	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122180118	TRẦN XUÂN VŨ	18/04/2004	CCQ2218D		1		7,5	2,0	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)